TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/**2021/HS-ST
Ngày: 17-3-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường và bà Cái Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hùng và ông Phan Anh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2020/TLST-HS ngày 24/12/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Hồ Công Nhật Q (Tên gọi khác: Q Camel), sinh ngày: 12 tháng 9 năm 1987 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 38 đường Võ Thị S, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Q tịch: Việt Nam; con của ông Hồ Công D và bà Nguyễn Thị H; có vợ: Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1988 (là bị cáo trong vụ án này) và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Vào năm 2011, bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 700.000 đồng, về hành vi đánh nhau theo Quyết định số: 13857 ngày 18/5/2011; Vào năm 2018, bị Công an thành phố H xử phạt hành chính số tiền: 2.500.000 đồng, về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo Quyết định số: 2290 ngày 26/12/2018, đã chấp hành xong; Vào năm 2020, đã bị kết án 01 năm 3 tháng tù về tội: Tổ chức đánh bạc và 02 năm tù về tội: Đánh bạc, theo bản án số 44/2020/HSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên, bị cáo kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đang thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/5/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 26/5/2020 cho đến nay. Có mặt.

2. Lê Công M H, sinh ngày: 24 tháng 6 năm 1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 09 đường Đoàn Thị Đ, phường TT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 10/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con của ông Lê Công H1 (đã chết) và bà Trần Thị H2; vợ con: chưa có. Tiền án: Không. Tiền sự: Có 01 tiền sự, vào năm 2019, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.250.000 đồng, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số: 5642 ngày 30/5/2019, đã nộp tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/5/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 26/5/2020 cho đến nay. Có mặt.

3. Trần Văn Anh Q, sinh ngày: 04 tháng 11 năm 1981 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 40 đường LD, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ điện; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Q tịch: Việt Nam; con của ông Trần Văn C và bà Trương Thị Như H3; vợ con: chưa có. Tiền án: Không. Tiền sự: Có 01 tiền sự, vào năm 2019, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 7.500.000 đồng, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số: 1816 ngày 10/6/2019, đã nộp xong tiền phạt. Về nhân thân: Vào năm 2010, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 300.000 đồng, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số: 13401 ngày 19/5/2010, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/5/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 26/5/2020 cho đến nay. Có mặt.

4. Trần Thị Hoàng A (Tên gọi khác: M), sinh ngày: 17 tháng 5 năm 1988 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 38 đường Võ Thị S, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Q tịch: Việt Nam; con của ông Trần Thanh B và bà Hoàng Thị T; có chồng tên Hồ Công Nhật Q (là bị cáo trong vụ án này) và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/7/2020 cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Q H4 (Tên gọi khác: H4 Vẩy), sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Thôn BL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Lê Q D (Tên gọi khác: L), sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Số 42 đường PBC, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Số 22/2 đường TXS, phường T L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Trần Hữu Đ (Tên gọi khác: P), sinh năm: 1997. Nơi cư trú: Thôn VT, xã QN, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Anh Hồ Ngọc TH (Tên gọi khác: C), sinh năm: 2001. Nơi cư trú: Thôn A5, xã HV, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Anh Cao Chấn Q, sinh năm: 1997. Nơi cư trú: Số 44 đường Trần Nhân Tông, phường Tây Lộc, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Anh Trần Thanh T (Tên gọi khác: T Chả), sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 23/1/69 đường ĐDA, phường PB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Anh Đỗ C (Tên gọi khác: B), sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Thôn An B, xã VA, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

7. Anh Lê Hữu H (Tên gọi khác: B), sinh năm: 1993. Nơi cư trú: K82- H24/34 NVL, phường ND, quận HC, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Số 9/42 đường TQK, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Văn KL, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Số 263, đường TP, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

10. Chị Hồ B T (Tên gọi khác: M), sinh năm: 1999. Nơi cư trú: Số 226 đường NT, phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

11. Chị Lê Thị Thanh T (Tên gọi khác: N), sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Số 1/164 đường HT, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

12. Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Số 09 đường ĐTĐ, phường TT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

13. Chị Hoàng Thị Thanh N, sinh năm: 2002. Nơi cư trú: Số 41 đường TNT, phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

14. Anh Lê Q M (Tên gọi khác: R), sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Số 44 Xóm C, xã LT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

15. Anh Hồ Nhật N, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Số 138A đường NH, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

16. Anh Hồ Công D, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: Số 35 đường KB, phường PB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

17. Anh Hồ Đắc T, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Số 23/66 đường XD, phường PV, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

18. Anh Hoàng Trọng Chiến T, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Số 554 đường BTX, phường TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

19. Anh Trần Hữu Q B, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Số 20 đường TTN, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

20. Chị Lê Mai L, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Số 20 đường TTN, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

21. Chị Võ Thị Thanh H, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Số 54 đường LVL, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

22. Chị Mai Thị Thu T, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Số 02 đường TNDK, lô 6, KV2, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

23. Chị Tôn Nữ Mỹ N, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Số 22/1E đường MĐC, phường PC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

24. Chị Trương Thị P, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Số 131 đường BT, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

25. Chị Lê Thị Nhật H, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Số 42 đường PBC, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

26. Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm: 1998. Nơi cư trú: Số 04/9 kiệt 19 đường ĐVN, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

27. Anh Trần Trọng Đ, sinh năm: 1998. Nơi cư trú: Thôn NA, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

28. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: Thôn CC 1, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

29. Anh Hoàng Văn S, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Số 4/12/28 đường PTL, phường KL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

30. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: Chung cư 1, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

31. Chị Trần Thị P T, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Số 27/176 đường PCT, phường PV, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

32. Trương Thị B, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Căn 52 khu A, chung cư XP, phường XB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

33. Anh Nguyễn Anh T; sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Số 16A, đường NT, phường XB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

34. Chị Nguyễn Phạm Hương T, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Số 1/85 đường NH, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

35. Anh Hồ Hữu H, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: số 01/04/77 TTT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

36. Anh Hồ Đình T, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Số 266 đường NT, phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

37. Anh Lê Công M H, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Số 09, đường ĐTĐ, phường TT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

38. Anh Hoàng Trí Q, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Số 58 đường PH, phường TT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

39. Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: Số 133 đường PĐL, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

40. Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: Số 20 đường TTN, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

41. Anh Võ Đình V, sinh năm:1962. Nơi cư trú: Số 2A đường BĐ, phường PC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

42. Anh Phan Văn T, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Số 45 kiệt 1 đường HQV, tổ 4, KV 2, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

43. Anh Nguyễn Trần Nhật Q, sinh năm: 1997. Nơi cư trú: Số 7/11 đường DT, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

44. Chị Ngô Thị Thanh T, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Số 99/2 đường NH, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

45. Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Xóm 03, thôn NA, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 0 giờ 15 phút ngày 18 tháng 05 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy, tiến hành kiểm tra khu nghỉ dưỡng K, thuộc thôn CC 1, xã TB, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện bắt quả tang tại 02 phòng (gọi tắt là phòng số 1 và phòng số 2), của khu nghỉ dưỡng có tổng số 33 đối tượng đang có hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể:

Tại phòng số 1 có 17 người, gồm: Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Nguyễn Ngọc T, Cao Chấn Q, Trần Thanh T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn KL, Hồ B T, Lê Thị Thanh T, Nguyễn Thị Như Q, Hoàng Thị Thanh N, Trần Hữu Đ, Hồ Ngọc TH, Đỗ C, Đặng Q H4 và Lê Hữu H. Tiến hành thử nước tiểu các đối tượng trên, kết quả: Q, H, Q, Tài, Đức, Thủy, Q, T, C, H, H, L, KL, T, T Q, N đều dương tính với các chất ma túy đã được thu giữ.

Tại phòng số 2 có 16 người, gồm: Trần Thị Hoàng A, Lê Q D, Hồ Nhật N, Hồ Công D, Hồ Đắc T, Hoàng Trọng Chiến T, Trần Hữu Q B, Lê Mai Ly, Võ Thị Thanh H, Mai Thị Thu T, Tôn Nữ Mỹ N, Trương Thị P, Lê Thị Nhật H, Nguyễn Thị Ánh N, Lê Q M và Trần Trọng Đ. Tiến hành thử nước tiểu các đối tượng trên, kết quả: Hoàng A, M, D, N, D, T, T, B, Ly, H, T, N, P, H, N đều dương tính với các chất ma túy đã thu giữ.

Quá trình điều tra đã xác định như sau: Vào ngày 17/5/2020, bị cáo Hồ Công Nhật Q nhờ anh Nguyễn Ngọc T đến ký hợp đồng với anh Nguyễn Anh T- Phó giám đốc Công ty TNHH MTV K, là người trực tiếp quản lý, để thuê toàn bộ khu nghĩ dưỡng K (trong đó bao gồm cả phòng số 1 và số 2), tại đường Thủy Tiên, thôn CC 1, xã TB, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian thuê từ 14 giờ ngày 17/5/2020 đến 12 giờ ngày 18/5/2020 với giá 10.000.000 đồng. Mục đích bị cáo Q thuê là để tổ chức sinh nhật cho vợ của bị cáo Q là Trần Thị Hoàng A.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/05/2020, buổi tiệc sinh nhật bắt Đ, khách mời của vợ chồng Q lúc này có khoảng 60 người đến dự tiệc, tất cả cùng nhau ăn uống ngoài sân của khu nghỉ dưỡng và cùng nhau xem chương trình ca nhạc.

Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, trong khi đang ăn uống thì bị cáo Q nảy sinh ý định mua ma túy về để mời mọi người cùng sử dụng với bị cáo nên gọi Lê Công M H ra ngoài rồi nói với H đi tìm và mua giúp cho Q 20 viên ma túy dạng

thuốc Lắc và 01 bì ma túy dạng Khay, bị cáo H đồng ý và gọi điện thoại cho một đối tượng (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) để hỏi mua ma túy theo yêu cầu của Q. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, có hai đối tượng (đều không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đến trước cổng K để giao ma túy cho H, H trả cho hai đối tượng trên số tiền là 13.500.000 đồng (số tiền này là của Q). Sau khi có ma túy, H đưa hết cho Q và Q trực tiếp đưa số ma tuý này đi cất giấu tại bụi cây trước khu vực phòng số 1 và phòng số 2 của khu nghỉ dưỡng (việc mua và cất giấu ma túy lúc này chỉ có Q và H biết). Sau đó, Q tiếp tục vào tham gia ăn uống cùng bạn bè. Đến khi tiệc sinh nhật gần kết thúc (khoảng 22 giờ), vợ chồng Q và Hoàng A đi đến các bàn tiệc chào hỏi và mời mọi người ở lại để tiếp tục ăn uống, vui chơi, đồng thời Q cho người đưa đồ ăn, nước uống, bia, trái cây, dàn nhạc, loa đài, đèn … vào trong phòng số 1 và số 2 (khi bị cáo Q và Anh mời ở lại thì có một số người tự hiểu là ở lại để sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như: Q, L, Q, T, B, N, M, H, T, Ly, N, N và một số còn lại khi vào phòng thấy ma túy mới biết).

Đến khoảng 22 giờ, buổi tiệc sinh nhật ngoài trời kết thúc, một số khách tham dự sinh nhật ra về, số ở lại là 33 người và tự chia thành hai nhóm đi vào phòng số 1 và phòng số 2 (phòng 1 là bạn của bị cáo Q, phòng 2 là bạn của bị cáo Hoàng A, theo D sách nêu trên). Lúc này, bị cáo Q đi lấy số ma túy đã cất giấu nói trên, đưa vào phòng 1 rồi để lên sàn cho mọi người sử dụng, thấy ma túy mọi người trong phòng số 1 đều tự ý lấy ra để sử dụng (17 người đều sử dụng); Cùng lúc này, Q lấy một phần ma túy (loại ma túy Lắc và Khay) và nói với H đưa số ma túy này sang phòng số 2 để cho mọi người sử dụng, H đưa ma túy sang phòng số 2 để trên sàn và mọi người trong phòng này đều tự ý lấy ma túy ra sử dụng (15 người sử dụng, riêng Đức không sử dụng).

Khoảng 22 giờ 10 phút, Trần Văn Anh Q đến và vào phòng số 1 rồi cùng sử dụng ma túy với Q và mọi người (trước đó Q có nói với Q có "đồ" nơi H nên Q hiểu là có ma túy nên quay lại để sử dụng). Lúc này, Q thấy số ma túy để trong phòng của mình quá nhiều, sợ bị phát hiện nên nói với Q đưa ma túy đi cất giấu bớt, khi nào hết trong phòng thì ra lấy vào sử dụng, Q đồng ý và cầm gói ma túy đưa đi cất giấu trong bụi cây trước phòng số 1.

Đến gần 23 giờ, thấy trong phòng mình (phòng 2) mọi người đã sử dụng gần hết ma túy, biết chồng mình đang có ma túy nên Hoàng A nhắn tin cho Q: "Còn kẹo không anh, đưa qua cho em mấy con", Q nhắn tin trả lời với Hoàng A: "Còn, tH H đem qua nơi à". Sau đó, Q nói H đưa số ma túy mà Q đã đưa cho Q đi cất giấu trước đó qua phòng Hoàng A. Q chỉ vị trí cất giấu ma túy cho H đi lấy nhưng H không tìm thấy nên nói Q đi tìm, Q ra lấy gói ma túy trong bụi cây trước phòng 1 đưa cho H rồi H đưa toàn bộ gói ma túy này vào để trên bàn trong phòng cho Hoàng A. Thấy có ma túy thì Hoàng A và mọi người trong phòng tiếp tục lấy ra sử dụng, còn H thì quay lại phòng 1 tiếp tục sử dụng ma túy.

Trong quá trình sử dụng ma túy nói trên các bị cáo và các đối tượng khai nhận khi sử dụng ma túy thì các dụng cụ như: thẻ ATM dùng để nghiền và phân chia ma túy, ống hút để hút ma túy, bật lửa, dầu nhị …là do mọi người trong các phòng (1, 2) tự làm hoặc mang theo, còn cụ thể là của ai và ai làm thì các bị cáo và các đối tượng đều không nhớ rõ; còn các vật dụng như ly, chén, đĩa, loa, đèn, dàn

nhạc, trái cây, bia, nước …là đưa từ ngoài bàn tiệc vào phòng (Do dùng nhiều các loại chất kích thích nên các bị cáo và các đối tượng trên đều không nhớ rõ).

Đến 0 giờ 15 phút ngày 18 tháng 05 năm 2020, trong khi các bị cáo và các đối tượng nói trên đang sử dụng ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy phát hiện bắt quả tang. Do bị bắt quả tang nên số ma túy còn lại tại 02 phòng, các bị cáo và các đối tượng chưa kịp sử dụng hết thì bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

Tại phòng số 1:

+ 02 (hai) viên nén màu xanh và 03 (ba) mảnh viên nén màu xanh thu giữ trên nền nhà.

+ 01 (một) dĩa sứ màu trắng; 01 (một) ống hút tự chế.

+ 02 (hai) Loa hiệu Harman - Kardon màu đen.

+ 02 (hai) đèn xoay không rõ nhãn hiệu màu đen.

+ 01 (một) đèn chớp có chữ "SD01RG" màu đe

+ 01 (một) dĩa sứ màu trắng, phía trên có chứa ít tinh thể rắn n.

+ 01 (một) đèn chớp có chữ "K10" màu đen.

+ 01 (một) đèn chớp có chữ "PAH" màu đen.

Tại phòng số 2:

+ 01 (một) viên nén màu xanh được thu giữ trên bàn màu trắng.

+ 01 (một) viên nén màu xanh và 01 (một) mảnh viên nén màu xanh được thu giữ trên bàn Tivi.

+ 01 (một) gói nilông bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng được thu giữ trong hộc bàn Đ giường.

+ 01 (một) Laptop nhãn hiệu DELL màu xám.

+ 01 (một) bàn DJ màu đen, nhãn hiệu Pioneer DJ.

+ 02 (hai) Loa hiệu ROKIT 5 màu đen.

+ 01 (một) Loa hiệu Harman - Kardon màu đen.

+ 01 (một) đèn chớp tròn không rõ nhãn hiệu màu đen (đường kính 15,5cm).

+ 01 (một) đèn chớp có chữ "MP 7979" màu đen.

Tạm giữ đồ vật tài liệu liên quan khác:

- Tạm giữ của Hồ Hữu H: 01 (một) Đ ghi Camera loại 8 kênh, nhãn hiệu HIKVISION màu trắng, phía sau Đ ghi có ghi ký hiệu Model DS-7108HQHI-K1, Serial No: C93137626.

- Tạm giữ của bị cáo Hồ Công Nhật Q: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A - 043.74; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone số IMEI: 356709080377191; Tiền VNĐ: 6.500.000 đồng.

- Tạm giữ của bị cáo Trần Thị Hoàng A: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353913100393674. Tiền VNĐ: 19.000.000 đồng, 300 USD, 100 EURO.

- Tạm giữ của bị cáo Lê Công M H: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A- 159.61; 01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 359500087136988; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353891106334720.

- Tạm giữ của bị cáo Trần Văn Anh Q: 01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 359321060144125

- Tạm giữ của Nguyễn Văn KL: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-172.48; 01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 354869091596916; 01 (một) điện thoại di động hiệu I Phone, số IMEI: 354448068891202.

- Tạm giữ của Đỗ C: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-111.02; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 357260096302749; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vertu, số IMEI: 3557/1/02/043062/8; 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen.

- Tạm giữ của Trần Thanh T: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-071.52; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 356774085652527.

- Tạm giữ của Hồ Ngọc T: 01 (một) xe môtô BKS: 75F1-675.25; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353810088367524; 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen.

- Tạm giữ của Lê Hữu H: 01 (một) xe môtô BKS: 75F1-091.06; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 352029061973320.

- Tạm giữ của Trần Hữu Đ: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353817087832457.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn L: 01 (một) xe ôtô BKS: 75F1-133.20; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 355398087560727; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 354389062927677.

- Tạm giữ của Lê Q M: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-114.63; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353899100311198.

- Tạm giữ của Trần Trọng Đ: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-070.28; 01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353052094406471; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353896104834654.

- Tạm giữ của Hồ Nhật N: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-090.52; 01(một) điện thoại di động hiệu I Phone, số IMEI: 353902106103583.

- Tạm giữ của Hoàng Trọng Chiến T: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A- 147.06; 01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353920101664581.

- Tạm giữ của Hồ Đắc T: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-086.63; 01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 354388062063095.

- Tạm giữ của Lê Mai L: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-030.57; 01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 357270094007380.

- Tạm giữ của Trần Hữu Q B: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 356710081764346.

- Tạm giữ của Lê Q D: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353906108603458.

- Tạm giữ của Hồ Công D: 01 (một) xe ôtô BKS: 75A-135.53; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353925100435305; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEI 1: 355221/09/000981/5, số IMEI 2: 355220/09/000981/7.

Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại các xe ô tô: BKS: 75A-147.06, BKS: 75A-086.63, BKS: 75A-135.53, BKS: 75A-144.63, BKS: 75A-043.74, BKS: 75A-090.52, BKS: 75A-071.52, BKS: 75A-159.61, BKS: 75A-172.48, BKS: 75A-070.28, BKS: 75A-030.57, BKS: 75A-111.02. Xe mô tô BKS: 75F1-091.06, BKS: 75F1-133.20, BKS: 75F1-675.25 cho các chủ sở hữu hợp pháp. Trả lại cho Trần Văn Anh Q 01 điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 359321060144125; Lê Công M H 01 điện thoại di động hiệu iPhone, số IMEI: 353891106334720 (vì không sử dụng vào việc phạm tội). Trả lại cho chị Nguyễn Phạm Hương T 01 Đ ghi Camera loại 8 kênh, nhãn hiệu HIKVISION màu trắng.

Các vật chứng còn lại, gồm: Số tiền 6.500.000 đồng của bị cáo Hồ Công Nhật Q; Số tiền 19.000.000 đồng, 300 USD, 100 EURO của bị cáo Trần Thị Hoàng A đều đã niêm phong, hiện đang được tạm giữ để đảm B cho việc xét xử và thi hành án.

Tại bản kết luận giám định số: 314/GD ngày 22/05/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

- Ma túy thu giữ tại phòng số 1: 02 viên nén điều có màu xanh lá cây nhạt trong gói niêm phong A1 có tổng khối lượng là 0,8021g (không phẩy tám không hai một gam) là ma túy loại MDMA; 03 mảnh viên nén đều có màu xanh lá cây đậm trong gói niêm phong A1 có tổng khối lượng là 0,4906g (không phẩy bốn chín không sáu gam) là ma túy loại MDMA.

- Ma túy thu giữ tại phòng số 2: Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong A2 có khối lượng là 1,3543g (một phẩy ba năm bốn ba gam) là ma túy loại Ketamine; Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong A3 có khối lượng là 1,2000g (một phẩy hai gam) là ma túy loại Ketamine; Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong A4 có khối lượng là 5,4886g (năm phẩy bốn tám tám sáu gam) là ma túy loại Ketamine; 01 mảnh viên nén có màu xanh lá cây nhạt trong gói niêm phong A5 có khối lượng là 0,2119g (không phẩy hai một một chín gam) là ma túy loại MDMA; 02 viên nén đều có màu xanh lá cây đậm trong gói niêm phong A5 có tổng khối lượng là 0,7426g (không phẩy bảy bốn hai sáu gam) là ma túy loại MDMA.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS-HTh ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A, về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hồ Công Nhật Q để xử phạt bị cáo Q từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù và xử phạt bổ sung từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng; Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Công M H và Trần Văn Anh Q để xử phạt bị cáo H từ 03 năm 06 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Q từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù; Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Thị Hoàng A 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, Q và Hoàng A. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ; Tịch thu các điện thoại mà các bị cáo Q, H, Hoàng A sử dụng làm P tiện vào việc phạm tội. Trả lại đồ vật đã thu giữ của anh Lê Q D và anh Đặng Q H4 do không liên quan đến việc phạm tội; Trả lại tiền cho cho bị cáo Q và Hoàng A do không liên quan đến việc phạm tội nhưng trước mắt cần tạm giữ để đảm B cho việc thi hành án; Đề nghị chuyển trả đĩa DVD cho Cơ quan điều tra để xử lý theo thẩm quyền. Về án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến trình bày của các bị cáo: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền L và nghĩa vụ liên quan anh Lê Q D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại các vật chứng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ cho anh Duy vì không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2]. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3]. Qua trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4]. Căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A đã khai nhận tội. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp khách quan với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 20 giờ ngày 17/5/2020 đến 0 giờ 15 phút ngày 18/5/2020, tại Khu nghỉ dưỡng K thuộc thôn CC 1, xã TB, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế các bị cáo: Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, loại MDMA và Ketamine thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện, bắt quả tang. Xét thấy hành vi chỉ huy, phân công, điều hành việc chuẩn bị, cung cấp chất ma túy, địa điểm, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy tại một địa điểm mà bị cáo Hồ Công Nhật Q đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A là người thực hiện hành vi theo sự chỉ huy, phân công, điều hành việc chuẩn bị, cung cấp chất ma túy, địa điểm, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người mà bị cáo Q thực hiện nên đồng phạm với bị cáo Q về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã tổ chức cùng một lúc cho 28 người khác sử dụng trái phép chất ma túy nên đã phạm vào trường hợp "Đối với hai người trở lên" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố các bị cáo Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A, về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, vì các hoạt động liên quan đến chất ma túy phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép; Nhà nước cũng đã có nhiều chủ trương, biện pháp để phòng chống tệ nạn ma túy, các bị cáo biết nhưng cũng cố ý thực hiện hành vi tội phạm. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa chung.

[5]. Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án thì: Bị cáo Q là người chỉ huy, chọn địa điểm, phân công người đi mua ma túy và trả tiền mua ma túy; rủ rê, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, trực tiếp đưa ma túy vào phòng số 1 để cho mọi người sử dụng, phân công người đi cất giấu ma túy và đưa ma túy vào phòng số 2 để cho những người khác sử dụng, do đó bị cáo Hồ Công Nhật Q là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Còn bị cáo Lê Công M H là người đã giúp sức tích cực cho Q trong việc đi mua ma túy rồi đưa ma túy (02 lần) vào phòng số 2 để cho mọi người sử dụng nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai

trong vụ án. Bị cáo Trần Văn Anh Q là người đã giúp sức cho Q trong việc cất giấu ma túy và đi lấy ma túy để đưa cho H cung cấp cho mọi người sử dụng nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ ba trong vụ án. Còn đối với bị cáo Trần Thị Hoàng A là người giúp sức cho Q trong việc rủ rê, lôi kéo người sử dụng ma túy và dùng điện thoại nhắn tin để Q, H đưa ma túy vào phòng số 2 cho mọi người sử dụng nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ tư trong vụ án. Vì vậy, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nói trên của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo là trái với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng xấu sức khỏe của nhiều người; ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Về nhân thân của bị cáo Hồ Công Nhật Q thì khi thực hiện hành vi tội phạm bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng nhân thân không được tốt, vào năm 2011, bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 700.000 đồng, về hành vi đánh nhau theo Quyết định số: 13857 ngày 18/5/2011. Vào năm 2018, bị Công an thành phố H xử phạt hành chính số tiền: 2.500.000, về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo Quyết định số: 2290 ngày 26/12/2018. Vào năm 2020, đã bị kết án 01 năm 3 tháng tù về tội: "Tổ chức đánh bạc" và 02 năm tù về tội: "Đánh bạc" theo bản án số 44/2020/HSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên, bản án này chưa có hiệu lực pháp luật. Đối với bị cáo Lê Công M H và Trần Văn Anh Q tuy không có tiền án nhưng đã có 1 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên nhân thân cũng chưa được tốt. Đối với bị cáo Trần Thị Hoàng A có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Xét về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Hồ Công Nhật Q có bà ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân Chương Kháng chiến Hạng Nhất. Đối với bị cáo Trần Thị Hoàng A thuộc diện gia đình có công cách mạng, có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân Chương Kháng chiến Hạng Nhất, bác ruột là Liệt sĩ, bố mẹ là người thờ phụng liệt sĩ nên các bị cáo Q và Hoàng A được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, nghĩ cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; Áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Anh Q, Lê Công M H và bị cáo Trần Thị Hoàng A; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Hồ Công Nhật Q và Trần Thị Hoàng A và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Hoàng A là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Trần Thị Hoàng A có nhân thân tốt, có

nơi cư trú rõ ràng, đồng phạm với vai trò thứ yếu, có chồng là bị cáo trong vụ án và đang nuôi hai người con nhỏ, trong đó có một cháu dưới 03 tuổi nên xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo là cũng đủ giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung. Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo Hồ Công Nhật Q, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Q tuy khai về nghề nghiệp là kinh doanh nhưng thực tế không có kinh doanh gì, chỉ phụ giúp bố mẹ kinh doanh, bị cáo lâu nay đang bị tạm giam nên không có khả năng để thi hành hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hồ Công Nhật Q.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 1,1533g (Một phẩy một năm ba ba gam) là ma túy loại MDMA và 7,4429g (Bảy phẩy bốn bốn hai chín gam) là ma túy loại Ketamine (đây là số ma túy thu giữ còn lại sau khi giám định). Xét thấy các loại ma túy trên là chất độc hại nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 (Một) đĩa DVD được niêm phong. Xét thấy đây là đĩa DVD của Camera tại nhà nghỉ K, trong đĩa có chứa nhiều dữ liệu, nhưng dữ liệu liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo thì đã được in thành các bản ảnh lưu trong hồ sơ vụ án nên đĩa DVD này cần chuyển trả lại cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Hương Thủy để tra cứu và xử lý theo thẩm quyền;

+ Đối với 02 (hai) đèn xoay không rõ nhãn hiệu màu đen; 01 (một) đèn chớp tròn không rõ nhãn hiệu màu đen (đường kính 15,5cm); 01 (một) đèn chớp có chữ "MP 7979" màu đen không xác định ai là chủ sở hữu nên chuyển trả lại cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Hương Thủy để xử lý theo thẩm quyền;

+ Đối với 02 (Hai) dĩa sứ màu trắng; 01 (một) ống hút tự chế là P tiện mà các bị cáo dùng vào việc sử dụng ma túy, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 02 (hai) Loa hiệu Harman - Kardon màu đen; 01 (một) đèn chớp có chữ "SD01RG" màu đen; 01 (một) đèn chớp có chữ "K10" màu đen; 01 (một) đèn chớp có chữ "PAH" màu đen là thuộc sở hữu của anh Đặng Q H4, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho anh Hùng;

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone; 01 (một) Laptop nhãn hiệu DELL màu xám; 01 (một) bàn DJ màu đen, nhãn hiệu Pioneer DJ; 02 (hai) Loa hiệu ROKIT 5 màu đen; 01 (một) Loa hiệu Harman - Kardon màu đen là thuộc sở hữu của anh Lê Q D, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho anh Lê Q D;

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone của bị cáo Hồ Công Nhật Q; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone của bị cáo Trần Thị Hoàng A; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone của bị cáo Lê Công M H là P tiện liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá sung công quỹ nhà nước;

+ Đối với số tiền 19.000.000 đồng, 300 USD và 100 EURO tạm giữ của bị cáo Trần Thị Hoàng A thuộc sở hữu của bị cáo Hoàng A, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Trần Thị Hoàng A nhưng trước mắt cần tạm giữ để đảm B thi hành án.

+ Đối với số tiền 6.500.000 đồng tạm giữ của bị cáo Hồ Công Nhật Q là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Hồ Công Nhật Q, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Hồ Công Nhật Q nhưng trước mắt cần tạm giữ để đảm B thi hành án.

[9]. Về án phí: Buộc các bị cáo Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hồ Công Nhật Q 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, là ngày 18/5/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

+ Bị cáo Lê Công M H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, là ngày 18/5/2020.

+ Bị cáo Trần Văn Anh Q 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, là ngày 18/5/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Hoàng A 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Hoàng A cho Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ (Số ma túy còn lại sau khi giám định, gồm: 1,1533g ma túy loại MDMA; 7,4429g ma túy loại Ketamine) được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong, có 02 chữ ký của Điều tra viên và 02 chữ ký của Giám định viên, 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế) và 02 dĩa sứ màu trắng; 01 ống hút tự chế;

- Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động hiệu iPhone của bị cáo Hồ Công Nhật Q, 01 điện thoại di động hiệu iPhone của bị cáo Trần Thị Hoàng A và 01 điện thoại di động hiệu iPhone của bị cáo Lê Công M H;

- Trả lại cho anh Đặng Q H4 02 Loa hiệu Harman - Kardon màu đen; 01 đèn chớp có chữ "SD01RG" màu đen; 01 đèn chớp có chữ "K10" màu đen; 01 đèn chớp có chữ "PAH" màu đen;

- Trả lại cho anh Lê Q D 01 điện thoại di động hiệu iPhone, 01 Laptop nhãn hiệu DELL màu xám, 01 bàn DJ màu đen nhãn hiệu Pioneer DJ, 02 Loa hiệu ROKIT 5 màu đen, 01 Loa hiệu Harman - Kardon màu đen;

- Trả lại số tiền 19.000.000 đồng, 300 USD và 100 EURO cho bị cáo Trần Thị Hoàng A nhưng trước mắt cần tạm giữ để đảm B thi hành án;

- Trả lại số tiền 6.500.000 đồng cho bị cáo Hồ Công Nhật Q nhưng trước mắt cần tạm giữ để đảm B thi hành án;

- Chuyển trả lại cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Hương Thủy gồm: 01 đĩa DVD được niêm phong để tra cứu và xử lý theo thẩm quyền; 02 đèn xoay không rõ nhãn hiệu màu đen, 01 đèn chớp tròn không rõ nhãn hiệu màu đen, 01 đèn chớp có chữ "MP 7979" màu đen để xử lý theo thẩm quyền;

Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa Cơ quan Điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Q hội;

Buộc các bị cáo Hồ Công Nhật Q, Lê Công M H, Trần Văn Anh Q và Trần Thị Hoàng A mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho các bị cáo, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND T.X. Hương Thuỷ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan điều tra T.X. Hương Thuỷ;
- CQ THAHS T.X. Hương Thủy;
- CC THADS T.X. Hương Thuỷ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Phú